

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày: 25/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Trung.
2. Bà Nguyễn Thị Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 26/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2020/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2020/HSST-QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Hồ Vĩnh K, sinh ngày 08/4/1983 tại tỉnh G; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh K; Chỗ ở: Tổ dân phố 11, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K; Nghề nghiệp: Viên chức Kiểm lâm, nguyên là Trạm trưởng Trạm quản lý, bảo vệ rừng B; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Ngọc S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y (đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2017, đến ngày 23/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại, hiện đang thi hành án tại Trại giam Gia Trung, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Văn T (Tên gọi khác: T), sinh ngày 15/4/1988 tại tỉnh N; Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K; Chỗ ở: Không ổn định; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn T, sinh năm 1960 và bà

Đinh Thị L, sinh năm 1961; Bị cáo có vợ là Lê Thị Tường Q, sinh năm 1989; Bị cáo có 01 con sinh năm 2017; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/4/2017, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung – tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trần Kim Q, sinh năm 1991. (Có mặt).

Trú tại: Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh K.

2. Anh Vũ Văn H, sinh năm 1985. (Có mặt).

Trú tại: Thôn M, xã B, huyện N, tỉnh K.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung – tỉnh Gia Lai.

3. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1978. (Có mặt).

Trú tại: Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh K.

4. Anh Thao T, sinh năm 1990. (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh K.

5. Anh Thao Đ, sinh năm 1984. (Có mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng cuối năm 2016 đến đầu năm 2017, lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo, thiếu trách nhiệm trong công tác tuần tra, kiểm tra rừng của Trạm Quản lý bảo vệ rừng B, các nhóm đối tượng đã vào Tiểu khu 188, 187A thuộc lâm phần Vườn quốc gia C (địa giới hành chính xã B, huyện N, tỉnh K) để khai thác gỗ trái phép số lượng 37 cây gỗ với tổng khối lượng 161,179 m³ quy tròn. Cụ thể như sau:

1. Nhóm Vũ Văn T (T), Trần Kim Q và Nguyễn Thị D:

Vào cuối năm 2016, sau khi bàn bạc Vũ Văn T, Trần Kim Q và Nguyễn Thị D thống nhất về việc tìm thợ cưa vào Vườn Quốc gia C, thuộc Tiểu khu 188 khai thác gỗ để bán, lấy tiền chia nhau tiêu xài. T, Q là người trực tiếp liên hệ và đặt vấn đề với các đối tượng đưa vào rừng để cắt hạ, xẻ hộp các cây gỗ, còn D ở nhà lo nấu cơm nước và ứng tiền, chi tiền cho thợ cưa vào rừng xẻ gỗ và thu tiền khi Q và T mua gỗ chở về bán cho các xưởng gỗ trên địa bàn.

T, Q đã thuê Thao T, Thao Đ (là thợ cưa) và được T, Q dẫn vào rừng Vườn

Quốc gia C chỉ cây để cưa, cắt hạ, xẻ hộp các loại cây gỗ Dổi, gỗ Re Hương theo quy cách mà T đưa ra là hộp vuông kích thước nhiều loại khác nhau, dài từ 2m đến 2,5m, rồi vận chuyển gỗ ra bìa rừng (địa điểm thuận lợi) để T mua với giá từ 4,5 triệu đến 5 triệu đồng/1 m³ và được Thao T, Thao Đ đồng ý. Sau đó, nhóm Thao T vào Tiểu khu 188, đã cưa hạ, xẻ hộp được 08 cây, loại gỗ Dổi, Re Hương, Sến Mủ với tổng khối lượng quy tròn là 44,270 m³ và vận chuyển đưa ra bìa rừng giao lại cho T và Q được 11m³ gỗ xẻ hộp, được T thanh toán với số tiền 30.000.000 đồng. Số lượng gỗ còn lại còn trong rừng là 26,67m³ quy tròn.

Nhóm Thao Đ cũng vào Tiểu khu 188 thuộc Vườn Quốc gia C cắt hạ 04 cây gỗ Dổi với khối lượng 11,292m³ quy tròn, xẻ hộp được 4,5m³ rồi vận chuyển gỗ ra bìa rừng giao cho T, được T thanh toán với số tiền là 15.000.000 đồng.

Như vậy, Vũ Văn T, Trần Kim Q, Nguyễn Thị D đã có hành vi khai thác, mua bán trái phép với tổng khối lượng 55,562m³ gỗ quy tròn, loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII, thuộc rừng Đặc dụng, là vượt mức tối đa xử phạt hành chính theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị Định 157/CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ.

2. Nhóm của Vũ Văn H:

Trong khoảng thời gian tháng 12/2016 (không nhớ ngày), Vũ Văn H thuê các đối tượng vào rừng Quốc gia C, thuộc Tiểu khu 187A, 188 cắt hạ, xẻ hộp và có hành vi khai thác, mua bán trái phép 39,289 m³ gỗ quy tròn, chủng loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII, rừng Đặc dụng; là vượt mức tối đa xử phạt hành chính theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị Định 157/CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ.

3. Hành vi đưa hối lộ và nhận hối lộ:

Để đưa được người vào tiểu khu 188, 187A, vườn Quốc gia C, khai thác gỗ trái phép với khối lượng như trên, trong khoảng thời gian cuối năm 2016, Vũ Văn T đã trực tiếp gặp liên hệ, đưa số tiền 5.000.000 đồng cho Hồ Vĩnh K là Trạm trưởng Trạm QLVR B, thuộc Ban quản lý vườn Quốc gia C, với mục đích xin ông K làm ngơ để T đưa nhóm thợ cưa gỗ là Thao T và Thao Đ vào rừng khai thác gỗ trái phép. Cũng trong khoảng thời gian nêu trên, Vũ Văn H tìm gặp, đưa số 4.000.000 đồng cho Hồ Vĩnh K, để H đưa người vào rừng thuộc Tiểu khu 188, 187A, vườn Quốc gia C khai thác gỗ trái phép.

Hành vi của Hồ Vĩnh K lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Trạm trưởng, Trạm QLVR rừng B nhận tiền của Vũ Văn T và Vũ Văn H với tổng số tiền là 9.000.000 đồng, để tạo điều kiện cho nhóm của T và H vào lâm phần Vườn Quốc Gia C khai

thác gỗ trái phép với tổng khối lượng 94,851m³ gỗ các loại vào đầu năm 2017. Ngày 06/11/2019, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Kon Tum, định giá và kết luận tổng giá trị thiệt hại về tài sản là: 438.408.314 đồng.

Đối với những đối tượng liên quan trong vụ án này đã được Tòa án xét xử bằng Bản án sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 08/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum và Bản án phúc thẩm số 184/2019/HS-PT ngày 25/07/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, có hiệu lực đã thi hành án. Nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

- Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 01/KLĐT-PC46 ngày 29/12/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum đã truy tố Hồ Vĩnh K về tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại khoản 2 Điều 279 và Vũ Văn T về tội “*Đưa hối lộ*” theo khoản 1 Điều 289 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Tại Cáo trạng số 01/CT-VKS-P2 ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định truy tố Hồ Vĩnh K về tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 và Vũ Văn T về tội “*Đưa hối lộ*” theo khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HSST ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt Hồ Vĩnh K 05 (*Năm*) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt Vũ Văn T 01 (*Một*) năm tù về tội “*Đưa hối lộ*”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Bản án hình sự phúc thẩm số 184/2019/HSPT ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về phần tội danh “*Đưa hối lộ*”; “*Nhận hối lộ*” và hình phạt đối với các bị cáo Vũ Văn T và Hồ Vĩnh K, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật. Với lý do: Hồ sơ vụ án thể hiện Vũ Văn T, Nguyễn Thị D, Trần Kim Q có sự bàn bạc thống nhất về việc thuê người khai thác gỗ trái phép nhưng Tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét về hành vi đưa hối lộ đối với Nguyễn Thị D và Trần Kim Q, chưa điều tra làm rõ thiệt hại do hành vi nhận hối lộ của bị cáo Hồ Vĩnh K gây ra để áp dụng tình tiết định khung tăng nặng, mà chỉ mới xem xét xử lý đối với Vũ Văn T là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

- *Tại Bản kết luận điều tra số 03/KLĐT-CSKT ngày 17/8/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Kon Tum và Cáo trạng số 37/CT-VKS-P2 ngày 23/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, đều xác định:*

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Trạm trưởng - Trạm Quản lý bảo vệ rừng B, Hồ Vĩnh K đã nhận tiền của Vũ Văn T và Vũ Văn H với tổng số tiền là 9.000.000 đồng, để tạo điều kiện cho nhóm của T và H, vào Vườn Quốc Gia C khai thác gỗ trái phép với tổng khối lượng 94,851m³ gỗ với kết quả định giá, tổng giá trị thiệt hại về tài sản là: 438.408.314 đồng, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Hành vi của Hồ Vĩnh K đã phạm vào tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của Vũ Văn T đưa số tiền 5.000.000 đồng cho Hồ Vĩnh K với mục đích để xin cho nhóm của Thao T, Thao Đ vào tiểu khu 188 khai thác gỗ trái phép, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Hành vi của T đã phạm vào tội “*Đưa hối lộ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Vũ Văn T, Trần Kim Q và Nguyễn Thị D: Khi T đưa số tiền 5.000.000 đồng cho Hồ Vĩnh K để xin cho nhóm của Thao T, Thao Đ vào tiểu khu 188 khai thác gỗ trái phép nhưng trước khi đưa số tiền trên cho K, T không bàn bạc, trao đổi thống nhất trước cụ thể với Q và D đưa tiền cho ai và đưa bao nhiêu. Số tiền đưa cho K là tiền của cá nhân T chứ không phải tiền của D và Q đưa cho T. Do đó, Cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở, căn cứ để chứng minh vai trò đồng phạm của Nguyễn Thị D và Trần Kim Q với Vũ Văn T về tội “*Đưa hối lộ*”.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu lời luận tội, giữ nguyên bản Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Hồ Vĩnh K và Vũ Văn T, qua phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hành vi nguy hiểm của các bị cáo gây ra cho xã hội. Đồng thời, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, đó là: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục một phần hậu quả đã gây ra, được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ và hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Hồ Vĩnh K **05 (Năm) – 06 (Sáu)** năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Áp dụng Khoản 1 Điều 364; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T **01 (Một) – 02 (Hai)** năm tù về tội “*Đưa hối lộ*”. Đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử lần đầu và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Hồ Vĩnh K và Vũ Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định:

Trong khoảng thời gian cuối năm 2016, đầu năm 2017 (thời điểm trước, trong và sau tết Nguyên đán năm 2017), Hồ Vĩnh K lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Trạm trưởng Trạm Quản lý bảo vệ rừng B và được giao nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng thuộc lâm phần mình quản lý đã nhận số tiền 5.000.000 đồng của Vũ Văn T và nhận số tiền 4.000.000 đồng của Vũ Văn H, để làm ngơ cho T và H đưa người vào rừng thuộc Tiểu Khu 187A và 188 của vườn quốc gia C khai thác gỗ trái phép với tổng khối lượng là 94,851m³ gây thiệt hại về tài sản với giá trị là: 438.408.314 đồng. Mức độ thiệt hại về tài sản do hành vi nhận hối lộ của bị cáo Hồ Vĩnh K chưa đủ định lượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 “*gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng*” để áp dụng tình tiết tăng nặng định khung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử vẫn xem xét trách nhiệm gây ra thiệt hại do hành vi nhận hối lộ của bị cáo Hồ Vĩnh K để quyết định hình phạt cho phù hợp. Như vậy, hành vi của Hồ Vĩnh K đã phạm vào tội “*Nhận hối lộ*” được quy định tại Điều 279 Bộ luật hình sự 1999 (nay là Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015). Hành vi của Vũ Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “*Đưa hối lộ*” được quy định tại Điều 289 Bộ luật hình sự 1999 (nay là Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015) như Bản cáo trạng số 37/CT-VKS-P2 ngày 23/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của Vũ Văn T đưa số tiền 5.000.000 đồng cho Hồ Vĩnh K với mục

đích để xin cho nhóm vào tiểu khu 188 khai thác gỗ trái phép thực hiện vào khoảng thời gian cuối năm 2016, đầu năm 2017, là thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, so sánh Điều 279 Bộ luật hình sự năm 1999 với Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 289 Bộ luật hình sự 1999 với Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015 thì Điều 354 và Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015 bãi bỏ một số tình tiết định khung và quy định hình phạt nhẹ hơn là có lợi hơn cho bị cáo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, cần áp dụng khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 đối với hành vi phạm tội “*Nhận hối lộ*” của bị cáo Hồ Vĩnh K và Khoản 1 Điều 364 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với hành vi phạm tội “*Đưa hối lộ*” của bị cáo Vũ Văn T.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo Hồ Vĩnh K đã tự nguyện giao nộp số tiền 14.500.000 đồng, bị cáo Vũ Văn T đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả đã gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được áp dụng đối với các bị cáo khi lượng hình.

[3.3] Về nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Hồ Vĩnh K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Vũ Văn T có nhân thân xấu: Ngày 26/09/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (đã xóa án tích); ngày 14/02/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum xử phạt 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” (đã xóa án tích). Bị cáo không lấy đó làm bài học để tự răn đe, sửa đổi mà tiếp tục đi vào con đường phạm tội.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Để thuận lợi trong việc thực hiện hành vi khai thác và vận chuyển gỗ, bị cáo Vũ Văn T đã tìm gặp và đưa tiền cho Hồ Vĩnh K để K làm ngơ cho nhóm T vào Vườn quốc gia C khai thác gỗ, hành vi này của T thể hiện ý thức cố ý thực hiện bằng được tội phạm. Mặt khác, bị cáo Hồ Vĩnh K là người được tin tưởng giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng tại

Vườn quốc gia C, trong điều kiện công tác quản lý, bảo vệ rừng trong cả nước được đẩy mạnh nhằm phòng chống vấn nạn khai thác gỗ, lâm sản trái phép đang ngày càng nghiêm trọng, bị cáo K không những thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ mà còn buông lỏng công tác tuần tra, quản lý và bảo vệ rừng, với bản tính háms lợi, bị cáo đã bất chấp pháp luật nhận tiền của Vũ Văn T để làm ngơ, tạo điều kiện cho nhóm của T khai thác, vận chuyển gỗ trái phép.

Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra nhằm thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo Hồ Vĩnh K bị cách chức các chức vụ, là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, kinh tế gia đình hiện tại phụ thuộc vào vợ, lại nuôi hai con nhỏ.

Tại khoản 5 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, bị cáo Vũ Văn T là lao động tự do, không có thu nhập, chỗ ở không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản gì lớn.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với hành vi của những người liên quan trong vụ án:

Đối với hành vi của Trần Kim Q và Nguyễn Thị D: Trước khi Vũ Văn T đưa số tiền 5.000.000 đồng cho Hồ Vĩnh K để xin cho nhóm của Thao T, Thao Đ vào tiểu khu 188 khai thác gỗ trái phép thì Vũ Văn T không bàn bạc, trao đổi thống nhất trước với Q và D là sẽ đưa tiền cho ai và đưa bao nhiêu. Số tiền đưa cho K là tiền của cá nhân T và đưa trước khi bàn bạc để đưa người vào rừng khai thác gỗ trái phép, chứ không phải tiền của D và Q. Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để chứng minh vai trò đồng phạm của Nguyễn Thị D và Trần Kim Q với Vũ Văn T về tội “*Đưa hối lộ*” nên không khởi tố điều tra là có cơ sở, nên không đề cập xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Hồ Vĩnh K và Vũ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác về xử lý vật chứng, án phí, Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum ngoài phần tội danh “*Đưa hối lộ*”; “*Nhận hối lộ*” và hình phạt đối với các bị cáo Vũ Văn T

và Hồ Vĩnh K không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Vĩnh K phạm tội “*Nhận hối lộ*”.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Vĩnh K **05** (*Năm*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù.

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt này với hình phạt 03 (*Ba*) năm tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo Bản án số 184/2019/HS-PT ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Buộc bị cáo Hồ Vĩnh K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là: **08** (*Tám*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án theo Bản án số 184/2019/HS-PT ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (ngày 06/9/2019), được trừ đi thời gian tạm giam trước đó (từ ngày 28/02/2017 đến ngày 23/11/2017).

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 364; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T (Tên gọi khác: T) phạm tội “*Đưa hối lộ*”.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T **01** (*Một*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù.

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt này với hình phạt 04 (*Bốn*) năm tù về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo Bản án số 184/2019/HS-PT ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Buộc bị cáo Vũ Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là: **05** (*Năm*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (04/4/2017).

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21; Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ Vĩnh K và Vũ Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/01/2021), các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- CA tỉnh Kon Tum; TTG CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Ngô Văn Minh